

Số: 58 /NQ-HĐND

Bình Thuận, ngày 27 tháng 8 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ 25 (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ Quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 1990/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Xét Tờ trình số 2489/TTr-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Thuận; Báo cáo tham định số 120/BC-HĐND ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

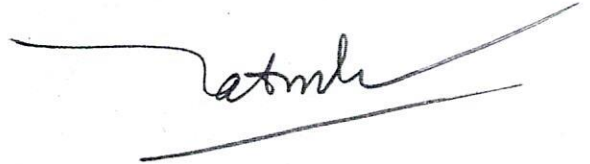
Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI, kỳ họp thứ 25 (chuyên đề) thông qua ngày 27 tháng 8 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính;
- Ban Công tác Đại biểu - UBTW Quốc hội;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh,
Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bình Thuận;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- HĐND và UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT. (CTHĐ.08) Duy

68

CHỦ TỊCH



Nguyễn Hoài Anh

DANH MỤC

Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Thuận

(Kèm theo Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 27 tháng 8 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	TÊN DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG
A	LĨNH VỰC SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
I	Dịch vụ môi trường
1	Quan trắc và phân tích các thành phần môi trường (không khí xung quanh, nước mặt lục địa, nước dưới đất, nước biển, trầm tích đáy, đất,...)
2	Lập báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Bình Thuận, báo cáo chuyên đề về môi trường định kỳ hàng năm, 5 năm; lập báo cáo kết quả quan trắc môi trường hàng năm.
3	Lập, quản lý hệ thống quan trắc môi trường; quản lý, vận hành hệ thống quan trắc tự động.
4	Giám định chất thải; thực hiện quan trắc, phân tích nguồn thải (chất thải rắn, nước thải, khí thải, bụi,...) phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, quản lý môi trường trên địa bàn tỉnh.
5	Xây dựng, điều chỉnh đơn giá hoạt động quan trắc môi trường trên địa bàn tỉnh.
6	Điều tra, khảo sát, thống kê, xây dựng, cập nhật, vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về tài nguyên, môi trường; thống kê, cập nhật tình hình phát sinh chất thải, sản phẩm thải bỏ; đánh giá và quản lý các nguồn thải gây ô nhiễm môi trường, đánh giá sức chịu tải môi trường. Xây dựng, cập nhật, duy trì, và điều chỉnh hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường
7	Lập, điều chỉnh kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trên địa bàn tỉnh
8	Lập, điều chỉnh kế hoạch, đề án, dự án khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường

9	Hoạt động thu thập dữ liệu, chứng cứ để xác định thiệt hại do ô nhiễm, suy thoái môi trường; bồi thường và phục hồi môi trường
10	Thực hiện các nhiệm vụ, đề án về biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường
11	Tuyên truyền về đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường và biến đổi khí hậu
12	Thu gom, phân loại, vận chuyển, xử lý chất thải, vệ sinh môi trường công cộng.
13	Lập phương án giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt
II	Dịch vụ bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học
1	Điều tra, kiểm kê, quan trắc, xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học và các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật đa dạng sinh học
2	Điều tra, kiểm kê, lập danh mục và đánh giá các hệ sinh thái, loài hoang dã nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ và nguồn gen bị suy thoái
3	Xây dựng, điều chỉnh đề án chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên
B	HOẠT ĐỘNG KINH TẾ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG
I	Dịch vụ lĩnh vực quản lý đất đai
1	Lập kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh; Lập, điều chỉnh quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất cấp huyện
2	Thông kê, kiểm kê đất đai và thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã
3	Điều tra, đánh giá đất đai, đánh giá chất lượng đất, thoái hóa đất, ô nhiễm đất, tiềm năng đất đai và phân hạng đất nông nghiệp
4	Xây dựng khung giá các loại đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá các loại đất; xác định giá đất cụ thể
5	Tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất
6	Công tác quản lý quỹ đất
7	Tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật
8	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất; đăng ký, cập nhật biến động đất đai
9	Xây dựng cập nhật, chỉnh lý, đồng bộ hóa, quản lý, khai thác hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai
10	Lập, chỉnh lý, cập nhật, lưu trữ và quản lý hồ sơ địa chính

II	Dịch vụ lĩnh vực đo đạc, bản đồ
1	Các hoạt động đo đạc bản đồ theo yêu cầu của tỉnh, thiết lập các điểm cơ sở đo đạc chuyên dụng, thành lập bản đồ hành chính cấp huyện và bản đồ chuyên đề khác của địa phương
2	Đo đạc, thành lập bản đồ phục vụ lập hồ sơ địa giới hành chính các cấp
3	Xây dựng, quản lý thông tin dữ liệu đo đạc bản đồ, địa giới hành chính của địa phương
4	Lập bản đồ chuyên đề bằng phương pháp sử dụng bản đồ nền cơ sở kết hợp với đo đạc bổ sung ngoài thực địa
5	Cập nhật dữ liệu nền địa lý quốc gia thuộc phạm vi của tỉnh
6	Chi phí khảo sát, lập thiết kế kỹ thuật - dự toán công trình đo đạc và bản đồ; Kiểm tra chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ
7	Đo vẽ, thành lập bản đồ địa chính; đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính; Lập lưới địa chính; số hóa và chuyển hệ tọa độ bản đồ địa chính; trích đo địa chính thửa đất; Chỉnh lý bản trích đo địa chính hoặc chỉnh lý thửa đất, đo đạc tài sản gắn liền với đất, trích lục hồ sơ địa chính; thành lập bản đồ hành chính các cấp; đo vẽ, thành lập bản đồ địa giới hành chính các cấp và một số loại bản đồ khác thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường
8	Thành lập, cập nhật bản đồ hành chính cấp tỉnh, cấp huyện thuộc phạm vi quản lý khi có sự thay đổi liên quan đến đơn vị hành chính
9	Đo đạc, thành lập bản đồ công trình ngầm phục vụ công tác quản lý
10	Thành lập tập bản đồ của địa phương, khu vực và ngành; đo đạc, thành lập các loại bản đồ chuyên ngành khác phục vụ quản lý nhà nước
11	Xây dựng, vận hành, cập nhật cơ sở dữ liệu đo đạc và bản đồ chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý và cung cấp cho Bộ Tài nguyên và Môi trường để tích hợp vào cơ sở dữ liệu đo đạc và bản đồ quốc gia
12	Thành lập bản đồ địa hình các tỷ lệ
III	Dịch vụ lĩnh vực viễn thám
1	Xây dựng, cập nhật, vận hành và quản lý cơ sở dữ liệu viễn thám ở địa phương
IV	Dịch vụ lĩnh vực địa chất và khoáng sản
1	Thăm dò khoáng sản theo yêu cầu của UBND tỉnh
2	Thống kê, kiểm kê tài nguyên, trữ lượng khoáng sản
3	Đánh giá giá trị kinh tế các mỏ khoáng sản

4	Khoanh định khu vực cấm, tạm cấm hoạt động khoáng sản; xây dựng quy hoạch khoáng sản; khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản
V	Dịch vụ lĩnh vực tài nguyên nước
1	Điều tra, thống kê, kiểm kê hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.
2	Điều tra, đánh giá hiện trạng xả nước thải và khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.
3	Điều tra, đánh giá tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.
4	Khảo sát, đo đạc tài nguyên nước trong phạm vi tỉnh Bình Thuận.
5	Quan trắc, giám sát tài nguyên nước
6	Lập danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ
7	Điều tra, đánh giá và khoanh định vùng cấm, vùng hạn chế, khu vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất; lập danh mục vùng cấm, vùng hạn chế và vùng phải đăng ký khai thác nước dưới đất
8	Điều tra, xác định dòng sông, đoạn sông bị sạt, lở và có nguy cơ bị sạt, bờ lở, bãi sông để làm cơ sở khoanh định công bố khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm khai thác cát, sỏi và các khoáng sản khác trên dòng sông, đoạn sông bị sạt, lở bờ, bãi sông trên địa bàn tỉnh.
9	Điều tra, xác định các ao, hồ không được san lấp để làm cơ sở công bố danh mục ao, hồ không được san lấp trên địa bàn tỉnh.
10	Cải tạo, phục hồi một số dòng sông, đoạn sông, hồ chứa ở các điểm đô thị bị ô nhiễm, cạn kiệt nghiêm trọng.
11	Điều tra, rà soát, thống kê, phân loại các loại giếng phải xử lý trám, lấp; xây dựng phương án xử lý trám, lấp giếng không sử dụng trên địa bàn tỉnh.
12	Điều tra, đánh giá xác định ngưỡng giới hạn khai thác nước dưới đất; khoanh định, công bố khu vực bổ sung nhân tạo nước dưới đất; quy định về hạ thấp mực nước cho phép trong các tầng chứa nước trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.
VI	Dịch vụ lĩnh vực khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu
1	Xây dựng cơ sở dữ liệu về khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu
2	Xây dựng kế hoạch truyền thông hỗ trợ thông tin cho các tổ chức, cộng đồng dân cư về biến đổi khí hậu; thị trường các-bon

3	Xây dựng kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050
4	Đánh giá khí hậu tỉnh Bình Thuận
VII	Dịch vụ lĩnh vực Quản lý tổng hợp biển và hải đảo
1	Tổ chức thực hiện các quy hoạch; kế hoạch sử dụng biển, vùng bờ và hải đảo trong phạm vi và thuộc thẩm quyền của tỉnh
2	Lập, điều chỉnh chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên, môi trường vùng bờ trong phạm vi quản lý. Thiết lập, quản lý hành lang bảo vệ bờ biển.
3	Điều tra, thống kê, phân loại, quản lý tổng hợp tài nguyên biển và hải đảo theo phân cấp quản lý
4	Các hoạt động kiểm soát ô nhiễm biển; nhận chìm ở biển
VIII	Dịch vụ khác
1	Xây dựng cơ sở dữ liệu địa lý
2	Thu thập, xử lý, tổ chức quản lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; xây dựng, cập nhật, vận hành cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường.
3	Công tác thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường
4	Thông tin, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về tài nguyên và môi trường.
5	Xây dựng, tích hợp, lưu trữ, quản lý cơ sở dữ liệu chung về tài nguyên và môi trường của địa phương theo quy định của pháp luật về chuyên ngành; ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác điều tra, đánh giá, quản lý tài nguyên và môi trường theo quy định của pháp luật chuyên ngành.